

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 24/2025/DS-ST.
Ngày: 21 - 4 - 2025.
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp.

Ông Phạm Văn Huynh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đặng Xuân Lâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Việt Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 465/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định hoãn phiên tòa số 502/2025/QĐST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Công ty T2 (Việt Nam).

Địa chỉ: I P, phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 2001.

Hoặc: Anh Võ Bá L, sinh năm 2002;

Hoặc: Anh Trần Hải N, sinh năm 2002.

Cùng địa chỉ: B L, phường V, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Lâm Minh T1, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Anh T đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn Công ty T2 (Việt Nam) trình bày:

Ngày 03/3/2023, Công ty T2 (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là “Công ty T2”) ký Hợp đồng tín dụng số: 4348281 (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng tín dụng”) về việc cấp tín dụng cho ông Lâm Minh T1 khoản vay với số tiền: 21.647.700 đồng (Hai mươi một triệu sáu trăm bốn mươi bảy nghìn bảy trăm đồng), trong đó bao gồm: 20.100.000 đồng tiền vay và 1.547.700 đồng tiền bảo hiểm khoản vay. Mục đích vay để tiêu dùng cá nhân; hình thức vay tín chấp và không có tài sản bảo đảm. Lãi suất vay: 58%/năm. Thời hạn vay là 35 tháng tính từ ngày 25/3/2023 đến ngày 25/01/2026.

Sau khi ký kết Hợp đồng tín dụng, ngày 06/3/2023, Công ty T2 đã tiến hành giải ngân đủ số tiền vay cho ông Lâm Minh T1 theo đúng quy định trong hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Lâm Minh T1 đã thanh toán được 02 kỳ với tổng số tiền: 3.235.000 đồng (Ba triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng). Tuy nhiên, từ ngày 26/4/2023 ông Lâm Minh T1 không trả thêm bất cứ khoản tiền nào đối với khoản vay mà phía Công ty T2 đã giải ngân, không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình, để khoản vay quá hạn.

Công ty đã nhiều lần nhắc nhở, liên hệ qua điện thoại đề nghị ông Lâm Minh T1 tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng ông Lâm Minh T1 vẫn không có bất kỳ hành động thực tế nào đối với Công ty T2.

Như vậy, ông T1 đã không thanh toán đúng hạn theo quy định của Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết, vi phạm nghĩa vụ đối với Công ty.

Tính đến ngày 21/4/2025, ông T1 đã không thanh toán, trễ hạn các khoản tiền như sau: Số nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 20.780.045 đồng, số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán: 18.356.496 đồng, số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn: 7.847.563 đồng, số tiền lãi chậm trả: 2.005.763 đồng. Tổng là: 48.989.865 đồng (Bốn mươi tám triệu chín trăm tám mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi lăm đồng).

Công ty T2 (Việt Nam) đề nghị Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xem xét, giải quyết, buộc ông Lâm Minh T1 thanh toán toàn bộ khoản vay (bao gồm dư nợ gốc, lãi, phí) tạm tính đến ngày 21/4/2025 với tổng số tiền là: 48.989.865 đồng và lãi phát sinh từ ngày 22/4/2025 đến khi trả hết nợ.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lâm Minh T1 không đến Tòa án tham gia tố tụng nên không có lời khai.

- Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội

đồng xét xử vào phòng nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng.

Về việc giải quyết vụ án: Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông T1 đã thanh toán được 02 kỳ với tổng số tiền: 3.235.000 đồng. Từ ngày 26/4/2023 ông T1 không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Công ty đã nhiều lần nhắc nhở, liên hệ qua điện thoại đề nghị ông T1 tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Về phía bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ và được triệu tập đến Tòa án làm việc, để cung cấp các tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên cần căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án.

Xét thấy, việc ký kết giấy đề nghị vay vốn kèm hợp đồng tín dụng được xác lập giữa Công ty T2 và ông Lâm Minh T1 được thực hiện trên cơ sở tự nguyện của các bên và đúng với các quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện nghĩa vụ của bên vay đối với bên cho vay thì ông Lâm Minh T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T2. Nên việc Công ty yêu cầu Tòa án buộc ông T1 phải thanh toán toàn bộ khoản vay cho Công ty là có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết 326/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Nguyễn Đức T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Còn bị đơn ông Lâm Minh T1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 328 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T, ông T1.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Xác định Công ty T2 (Việt Nam) là nguyên đơn. Ông Lâm Minh T1 là bị đơn.

[3] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty T2 khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Lâm Minh T1 thanh toán nợ cho Công ty theo hợp đồng tín

dụng, do đó xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn cư trú tại huyện L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung: Về hiệu lực của hợp đồng: Ngày 03/3/2023, ông Lâm Minh T1 ký giấy Đề nghị vay vốn kèm Hợp đồng tín dụng số 4348281 với Công ty T2. Xét về mặt hình thức, hợp đồng được xác lập bằng văn bản, giữa người có thẩm quyền của Công ty T2 và ông Lâm Minh T1 dưới hình thức chữ ký số, là hợp đồng điện tử. Việc ký kết hợp đồng điện tử này được ký kết thông qua việc ông T1 đồng ý các điều khoản quy định trên hợp đồng và xác nhận ký hợp đồng bằng cách nhập mã OTP được gửi từ hệ thống qua SMS hoặc Email. Sau khi kiểm tra OTP hợp lệ, Công ty TNHH H (là đơn vị đã đăng ký hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử theo quy định pháp luật Việt Nam) sẽ khởi tạo chữ ký số, thực hiện ký hợp đồng điện tử và lưu trữ hợp đồng điện tử, thông tin khoản vay. Khi đó, phía Công ty TNHH H cũng sẽ tự động khởi tạo chữ ký số và thực hiện ký hợp đồng điện tử cho Công ty T2.

Theo Điều 8 Nghị định 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số quy định:

Điều 8. Giá trị pháp lý của chữ ký số:

1. Trong trường hợp pháp luật quy định văn bản cần có chữ ký thì yêu cầu đối với một thông điệp dữ liệu được xem là đáp ứng nếu thông điệp dữ liệu đó được ký bằng chữ ký số và chữ ký số đó được đảm bảo an toàn theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.

2. Trong trường hợp pháp luật quy định văn bản cần được đóng dấu của cơ quan tổ chức thì yêu cầu đó đối với một thông điệp dữ liệu được xem là đáp ứng nếu thông điệp dữ liệu đó được ký bởi chữ ký số cơ quan, tổ chức và chữ ký số đó được đảm bảo an toàn theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.

3. Chữ ký số và chứng thư số nước ngoài được cấp giấy phép sử dụng tại Việt Nam theo quy định tại Chương V Nghị định này có giá trị pháp lý và hiệu lực như chữ ký số và chứng thư số do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng của Việt Nam cấp.”

Điều 9 Nghị định 130/2018/NĐ-CP quy định chữ ký số được xem là chữ ký điện tử an toàn khi đáp ứng các điều kiện sau:

“Điều 9. Điều kiện đảm bảo an toàn cho chữ ký số:

Chữ ký số được xem là chữ ký điện tử an toàn khi đáp ứng các điều kiện sau:

1. Chữ ký số được tạo ra trong thời gian chứng thư số có hiệu lực và kiểm tra được bằng khóa công khai ghi trên chứng thư số đó.

2. Chữ ký số được tạo ra bằng việc sử dụng khóa bí mật tương ứng với khóa công khai ghi trên chứng thư số do một trong các tổ chức sau đây cấp:

- a) Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số quốc gia;
- b) Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ;
- c) Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng;
- d) Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn cho chữ ký số chuyên dùng được quy định tại Điều 40 của Nghị định này.

3. Khóa bí mật chỉ thuộc sự kiểm soát của người ký tại thời điểm ký.”

Xét thấy, chữ ký số của ông Lâm Minh T1 được tạo ra trong thời gian Giấy chứng nhận quyền sử dụng chứng thư số FPT-CA ngày 14/6/2024 có hiệu lực, được cung cấp bởi Công ty TNHH H là đơn vị được cấp phép thực hiện dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng nên có giá trị pháp lý.

Xét về nội dung, mục đích của giấy Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 4348281 ngày 03/3/2023 không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, thể hiện ý chí tự nguyện của các bên khi tham gia giao dịch. Do đó, giấy Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng này có hiệu lực pháp luật và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện theo đúng cam kết.

Nguyên đơn Công ty T2 yêu cầu bị đơn ông Lâm Minh T1 trả tổng số nợ là 48.989.865 đồng, xét thấy: Theo Phiếu báo nợ do Ngân hàng TMCP K phát hành thì vào ngày 06/3/2023, Công ty T2 đã chuyển số tiền 20.100.000 đồng vào tài khoản số 67110000330221 của ông Lâm Minh T1 mở tại Ngân hàng TMCP Đ (B), phần nội dung thanh toán có ghi rõ “Mirae Asset chuyển tiền GN Lâm Minh T1 HD 4348281”, xét thấy số tài khoản và thông tin tài khoản đều trùng khớp với thông tin ông T1 cung cấp trong giấy Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ký kết giữa Công ty T2 với ông T1.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Lâm Minh T1 đã thanh toán được 02 kỳ với tổng số tiền: 3.235.000 đồng (Ba triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng). Mặc dù còn trong thời hạn vay nhưng từ ngày 26/4/2023 ông Lâm Minh T1 không trả thêm bất cứ khoản tiền nào là vi phạm thỏa thuận của hai bên. Công ty đã nhắc nhở, liên hệ đề nghị ông T1 tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng ông T1 vẫn không tiếp tục trả nợ.

Về tiền lãi: Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định:

“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”.

Khi ký kết Hợp đồng tín dụng, ông T1 xác nhận đã đọc, hiểu rõ và đồng ý với các điều khoản, điều kiện được quy định trong hợp đồng này. Do đó, ông T1 phải có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và tiền lãi cho Công ty T2 theo thỏa thuận tại Hợp đồng. Công ty T2 yêu cầu ông T1 trả tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn, tiền lãi chậm trả phù hợp quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên được chấp nhận.

Căn cứ Điều 12 và Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận.

Theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đương sự phải có nghĩa vụ tôn trọng Tòa án, phải có mặt theo giấy triệu tập và chấp hành quyết định của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Như vậy, việc bị đơn không đến Tòa án làm việc được coi là đã từ bỏ quyền lợi của mình về việc được nêu quan điểm, ý kiến và cung cấp chứng cứ chứng minh. Theo Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do nguyên đơn giao nộp phù hợp với quy định của pháp định cũng như các tài liệu mà Tòa án đã thu thập để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T2 đối với ông Lâm Minh T1.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông T1 phải chịu toàn bộ án phí là 2.449.493 đồng. Trả lại tiền tạm ứng án phí mà Công ty T2 đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, xét thấy phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 328, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 12 và Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T2 (Việt Nam) đối với ông Lâm Minh T1.

Buộc ông Lâm Minh T1 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty T2 (Việt Nam) tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 21/4/2025 là 48.989.865 đồng (Bốn mươi tám triệu chín trăm tám mươi chín ngàn tám trăm sáu mươi lăm đồng). Trong đó, số nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 20.780.045 đồng, tiền lãi quá hạn chưa thanh toán: 18.356.496 đồng, số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn: 7.847.563 đồng, số tiền lãi chậm trả: 2.005.763 đồng.

Kể từ ngày 22/4/2025, ông T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi chậm trả của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 4348281 ngày 03/3/2023. Trường hợp trong Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của bên cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho bên cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của bên cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lâm Minh T1 phải chịu 2.449.493 đồng (Hai triệu bốn trăm bốn mươi chín ngàn bốn trăm chín mươi ba đồng).

Hoàn trả cho Công ty T2 (Việt Nam) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 878.700 đồng theo biên lai số 0016469 ngày 17/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H.Long Thành;
- Chi cục THADS H.Long Thành;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Hoa

